

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/11/2022

V/v: “Vi phạm nghĩa vụ thanh
toán trong Hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Khánh Loan
Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
53/2022/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Vi phạm nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 33/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn
phiên tòa số: 197/2022/QĐST-KDTM ngày 05/9/2022; Quyết định hoãn phiên
tòa số: 239/2022/QĐST-KDTM ngày 05/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa
số: 239/2022/QĐST-KDTM ngày 31/10/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Địa chỉ: Lô F, đường N6b, cụm công nghiệp Phú Chánh 1, xã Phú Chánh,
thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Wu Wan Jun – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Duy Phương**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Văn Lân, phường Phú Lợi, thành phố Thủ
Dầu Một, tỉnh Bình Dương. (Giấy ủy quyền ngày 18/3/2022)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Số 581, QL 51, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật được Hội đồng thành viên của Công ty trách
nhiệm hữu hạn Đồng Phú cử theo biên bản họp ngày 10/8/2022: Ông **Trần Văn
H.**

(Anh Ph có mặt, đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên
đơn trình bày:

Tháng 11/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B) thỏa thuận mua bán hàng hóa, không làm hợp đồng. Theo đó, Công ty A bán cho Công ty B các mặt hàng như: NC dung môi 2515MY5C, NC lót 059DT, NC dung môi 2516, NC bóng 135-30, dầu thông AT-12, dầu thông AT-15, PU lót trắng 519W, PU chất cứng 301x, bột trét bóng NC-621A... với số lượng, quy cách, giá cả được căn cứ vào từng đơn đặt hàng mà bên Công ty Đồng Phú đặt. Sau khi nhận được đơn đặt hàng của Công ty Đồng Phú thì Công ty B thực hiện việc giao hàng theo đúng yêu cầu. Đồng thời, lập phiếu giao hàng để bên nhận hàng ký và bàn giao hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty A. Vào ngày cuối hàng tháng, hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ. Tiền hàng sẽ được Công ty Đồng Phú thanh toán trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Công ty A nhận đủ hàng và hóa đơn giá trị gia tăng.

Thực hiện hợp đồng trên Công ty B đã thực hiện đầy đủ chính xác các nội dung hai bên thỏa thuận. Công ty A chỉ thực hiện việc thanh toán đúng cam kết được một thời gian đầu. Kể từ tháng 02/2020 thì Công ty A liên tục chậm thanh toán nên đến ngày 20/3/2020 hai bên đã ngừng việc mua bán.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A còn nợ lại Công ty B số tiền là 2.220.684.873đ. Công ty B đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị Công ty A thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, ngày 01/12/2021 Công ty A mới có công văn số 022021CV-CT phúc đáp về việc thanh toán công nợ. Theo đó, Công ty B đề nghị được trả nợ dần từ tháng 3/2022 sẽ tiến hành thanh toán cho Công ty B số tiền 200.000.000đ mỗi tháng. Công ty B không đồng ý phương án trả nợ của Công ty Đồng Phú.

Tại phiên tòa anh Phương khai: Theo đơn khởi kiện Công ty B đã viết Công ty B và Công ty A thực hiện giao dịch mua bán từ tháng 01/2019 đến ngày 20/3/2020 thì ngưng giao dịch với tổng giá trị mua bán là 5.080.653.930đ. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại, Công ty B thừa nhận khi soạn đơn khởi kiện có sai sót trên thực tế hai bên thực hiện giao dịch mua bán với nhau từ trước năm 2019 cho đến ngày 20/3/2020 thì ngưng giao dịch. Thời gian trước 2019 thì Công ty Đồng Phú đã thanh toán đầy đủ tiền mua hàng hóa cho Công ty B.

Kể từ hóa đơn số 00021174 ngày 09/11/2019 thì Công ty A chậm thanh toán cho đến hóa đơn cuối cùng số 0000446 ngày 20/3/2020 thì Công ty Sơn Long Bảo ngưng bán hàng cho Công ty A. Ngày 02/6/2020, Công ty Đồng Phú xác nhận số tiền nợ còn thiếu Công ty B là 5.080.653.930đ và đề nghị Công ty B cho Công ty A trả theo hình thức 05 tháng đầu trả 300.000.000đ/01 tháng. Từ tháng thứ 5 trở đi là trả 400.000.000đ/01 tháng. Nếu tiền về đủ thì sẽ trả hết một lần nhưng phía Công ty B không đồng ý.

Đối với 08 phiếu báo có Ngân hàng ngày 10/01/2020; ngày 21/01/2020 07/02/2020; 27/02/2020; 05/3/2020; 11/3/2020; 24/3/2020 và ngày 01/6/2020 với tổng số tiền 5.209.488.098đ nguyên đơn thừa nhận có sai sót trong việc cung cấp chứng cứ ban đầu khởi kiện và xác định nguyên đơn đã nộp dư chứng cứ. Đây là 08 lần Công ty A đã thanh toán cho Công ty B đối với các đơn hàng trước ngày 09/11/2019. Các giao dịch này đã xong nguyên đơn không có tranh chấp gì, bị đơn cũng không có ý kiến gì.

Nay tại phiên tòa Công ty B xác định ngay từ đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn chỉ khởi kiện và yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Đồng Phú phải trả cho Công ty B số tiền 2.220.684.873đ, không liên quan gì đến 08 phiếu báo có Ngân hàng mà nguyên đơn đã nộp dư vì các bên đã thực hiện giao dịch xong, không bên nào có tranh chấp hay ý kiến gì.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc làm và nộp đơn khởi kiện Công ty Đồng Phú đã thanh toán cho Công ty B 02 lần với tổng số tiền là 511.229.600đ và còn nợ lại số tiền là 2.020.449.550đ. Nay tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.020.449.550đ và lãi suất chậm trả tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 với mức lãi suất 1,1%/tháng ($1,1\% \times 12 \text{ tháng} = 13,5\%/năm$) là 711.198.241đ theo đúng sự thừa nhận nợ của bị đơn.

Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt là Công ty A) có lời khai trong đơn xin hoãn phiên tòa ngày 19/8/2022 với nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn A đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền nợ mà Công ty A đang nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn B là 2.020.449.550đ, không phải số tiền như nguyên đơn yêu cầu (nguyên đơn khởi kiện yêu cầu 2.220.684.873đ). Ngoài ra, Công ty trách nhiệm hữu hạn A còn gửi sổ chi tiết thanh toán với người bán ngày 31/3/2022, thư xác nhận công nợ, ủy nhiệm chi ngày 10/3/2022, ủy nhiệm chi ngày 08/6/2021, trích lục khai tử của ông Trần Bửu Minh, biên bản họp hội đồng thành viên ngày 10/8/2022.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu về số tiền nợ gốc của nguyên đơn chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.077đ. Đối với yêu cầu về mức tính lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 là 2.020.449.550đ và lãi suất chậm trả tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 với mức lãi suất 1,1%/tháng ($1,1\% \times 12 \text{ tháng} = 13,5\%/năm$) là 711.198.241đ

nên căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án “Vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn B là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn A là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trụ sở tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về các thủ tục tố tụng khác: Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn A là ông Trần Bửu Minh chết ngày 28/6/2022. Ngày 10/8/2022, Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn A tiến hành họp bầu ông Trần Văn Hùng là người đại diện theo pháp luật mới của Công ty B nên căn cứ vào khoản 5 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020 xác định ông Hùng là người đại diện theo pháp luật tạm thời của Công ty A.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Phương thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, anh Phương chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.020.449.550đ. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phương tại phiên tòa không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn B khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.020.449.550đ và lãi suất chậm trả tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 là 32 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng ($1,1\% \times 12 \text{ tháng} = 13,5\%/\text{năm}$) số tiền là 711.198.241đ.

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ, việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn đều được thể hiện tại các phiếu giao hàng từ tháng 11/2019 cho đến tháng 3/2020; các hóa đơn giá trị gia tăng, thư xác định công nợ; biên bản chốt công nợ và sự thừa nhận của bị đơn tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 19/8/2022, sổ chi tiết thanh toán với người bán ngày 31/3/2022. Theo thư xác nhận công nợ mà Công ty trách nhiệm B gửi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đồng Phú thì đến hết ngày 30/01/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn A còn nợ lại Công ty trách nhiệm hữu hạn B số tiền nợ là 2.531.679.150đ, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã công nhận số liệu trên là đúng. Tuy nhiên, ngày 08/6/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn Đồng Phú đã chuyển trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B số tiền 311.229.600đ theo ủy nhiệm chi số 258/2021 ngày 08/6/2021 và chuyển trả số tiền 200.000.000đ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B theo ủy nhiệm chi số 101/2022 ngày 10/3/2022 nên phía bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 2.020.449.550đ. Tất cả các chứng cứ này đều do phía bị đơn cung cấp cho Tòa án. Đây cũng là tình tiết của vụ án mà nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[5.2] Xét yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn B về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1,1%/tháng (13,5%/năm) kể từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 số tiền là **711.198.241đ**. Hội đồng xét xử nhận thấy; Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, về việc xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 Ngân hàng tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm) và Điều 306 Luật Thương mại 2005. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ để tính lãi suất chậm thanh toán cần phải áp dụng lãi suất của 03 Ngân hàng tại địa bàn thành phố Biên Hòa gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam mà cụ thể tại Công văn số 1373/CNĐNA, ngày 19/8/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai cung cấp mức lãi suất cho vay là 10,5%; tại Công văn số 1310/NHN.ĐN-PC, ngày 13/10/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai cung cấp mức lãi suất cho vay là 7,5%; Tại Công văn số 1016/NHNN.ĐN-PC, ngày 19/8/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai cung cấp mức lãi suất cho vay là 11%. Mức lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cho vay. Do đó, mức lãi suất quá hạn trung bình một năm là $(10,5\% + 7,5\% + 11\%) : 3 \times 150\% = 14,5\%$. Mức lãi suất quá hạn trung bình hàng tháng là $14,5\% : 12 \text{ tháng} = 1,2083\%$. Công ty trách nhiệm hữu hạn B chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1,1%/tháng là không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là có căn cứ chấp nhận. Công ty trách nhiệm hữu hạn B yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/11/2022 là 32 tháng với số tiền **711.198.241đ** là có căn cứ chấp nhận. (**$2.020.449.550đ \times 32 \text{ tháng} \times 1,1\% = 711.198.241đ$**).

[6] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 86.223.964đ. Công ty trách nhiệm hữu hạn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa chỉ phù hợp một phần với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, 228 Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại; Điều 274, 275, 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 09/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn B về việc “Vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B tổng số tiền còn nợ là 2.731.647.791đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.020.449.550đ, tiền nợ lãi là 711.198.241đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời hạn chậm trả.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 86.223.964đ. Công ty trách nhiệm hữu hạn B được nhận lại số tiền 42.204.082đ đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 003050 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Đào

